

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2021/DS-PT

Ngày 02 - 12 - 2021

V/v tranh chấp đòi chi phí sửa chữa tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Bà Châu Minh Nguyệt

Ông Lê Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồng Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Ông Trịnh Út Mười - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 76/2021/TLPT-DS ngày 06 tháng 7 năm 2021, về việc tranh chấp đòi chi phí sửa chữa tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2021/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 95/2021/QĐ-PT ngày 07 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thái Thị Thu T, sinh năm 1971

Ông Lâm Thanh D, sinh năm 1967

Cùng địa chỉ: Số 50, đường H, Khóm 1, Phường 3, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lâm Quốc T1, sinh năm 1970. Địa chỉ: 35, Lô 13 Tái Định Cư, Khóm 2, Phường 7, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Việt Q là Luật sư Văn phòng luật sư V (có mặt).

- Bị đơn: Bà Đào Thị T2, sinh năm 1946

Địa chỉ: Số 4/9B, Khóm 5, Phường 2, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Thế S, sinh năm 1961. Địa chỉ: Số L22, đường số 09, khu vực 2, phường H, quận C, thành phố C (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Công ty Cổ phần Tư vấn Kiến trúc Xây dựng K. Địa chỉ: Số 321, đường Cách Mạng, Khóm 9, Phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tô Minh D, Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:*

Đồng nguyên đơn bà Thái Thị Thu T, sinh năm 1971 và ông Lâm Thanh D, sinh năm 1967. Cùng địa chỉ: Số 50, đường H, Khóm 1, Phường 3, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn bà Đào Thị T2, sinh năm 1946. Địa chỉ: Số 4/9B, Khóm 5, Phường 2, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Năm 2000, bà Thái Thị Thu T và ông Lâm Thanh D có nhờ mẹ ruột là bà Đào Thị T2 mua dùm một căn nhà số 50, đường H, Khóm 1, Phường 3, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Bà Đào Thị T2 cho rằng đây là nhà của bà T2, bà T2 đã khởi kiện đòi lại nhà. Kết quả xét xử xác định căn nhà là của bà T2, buộc bà T, ông D trả lại nhà cho bà T2. Quá trình sử dụng căn nhà từ năm 2001 đến khi giao nhà cho bà T2 ngày 14/4/2021, bà T2 và ông D đã 03 lần sửa chữa căn nhà với tổng chi phí là 1.289.000.000 đồng. Theo đơn khởi kiện bà T và ông D yêu cầu bà T2 trả lại cho ông D và bà T chi phí sửa chữa căn nhà với số tiền 1.289.000.000 đồng và số tiền công sức giữ gìn căn nhà.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại yêu cầu đòi tiền công sức giữ gìn căn nhà, rút lại một phần yêu cầu đối với chi phí sửa chữa căn nhà với số tiền 988.280.000 đồng, chỉ yêu cầu bà T2 trả chi phí sửa chữa căn nhà theo kết luận định giá sau khi đã trừ khi chi phí khấu hao là 300.720.000 đồng. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, nguyên đơn không đồng ý.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Thế S trình bày: Nguồn gốc căn nhà số 50, đường H, Khóm 1, Phường 3, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu là của bà Đào Thị T2 mua từ năm 2000. Sau khi mua bà T2 cho con ruột là bà Thái Thị Thu T và con rể là ông Lâm Thanh D ở nhờ, sau đó bà T và ông D không trả lại nhà nên bà T đã khởi kiện. Kết quả xét xử xác định căn nhà là của bà T2, buộc bà T, ông D trả lại nhà cho bà T2. Trong quá trình sử dụng nhà, bà T và ông D đã tự ý sửa chữa căn nhà mà không có sự cho phép của bà T2 là không đúng quy định pháp luật. Do đó, bà T2 không đồng ý với yêu cầu của bà T, ông D.

Bà T2 có yêu cầu phản tố: Yêu cầu bà T và ông D bồi thường thiệt hại do bà T và ông D không giao trả nhà, nên đã gây thiệt hại cho bà T2 mỗi tháng là 20.000.000 đồng. Khi bà T2 được Tòa án tuyên trả nhà, bà T2 đã ký hợp đồng cho thuê nhà mỗi tháng là 20.000.000 đồng, nhưng do bà T, ông D không giao trả nhà nên hợp đồng cho thuê nhà không thực hiện được, gây thiệt hại cho bà T2. Số tiền thiệt hại được tính từ ngày 30/12/2016 đến ngày bà T, ông D giao trả lại nhà ngày 14/4/2021, mỗi tháng 20.000.000 đồng. Tổng cộng là 1.040.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn rút một phần yêu cầu, chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại tính từ ngày 20/7/2017 đến ngày 14/4/2021, số tiền 889.333.000 đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần Tư vấn kiến trúc xây dựng K, người đại diện theo pháp luật ông Tô Minh D trình bày: Vào năm 2003, 2005, 2008 Công ty có hợp đồng sửa chữa nhà ở cho ông Lâm Thanh D và vợ bà Thái Thị Thu T, nhà ở số 50, đường H, Phường 3, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Do sự việc sửa chữa đã lâu, Công ty đã không còn lưu giữ hồ sơ liên quan đến nội dung sửa chữa. Việc ông D và bà T xuất trình các giấy tờ sửa chữa, giá trị sửa chữa nhà để làm cơ sở giải quyết tranh chấp Công ty không đồng ý.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2021/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Thanh D và bà Thái Thị Thu T về việc yêu cầu bà Đào Thị T2 trả chi phí sửa chữa nhà với số tiền là 67.548.161 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Thanh D và bà Thái Thị Thu T về việc yêu cầu bà Đào Thị T2 trả chi phí sửa chữa nhà với số tiền 233.171.839 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Đào Thị T2 về việc yêu cầu ông Lâm Thanh D và bà Thái Thị Thu T bồi thường thiệt hại với số tiền là 737.916.667 đồng.

3. Buộc ông Lâm Thanh D và bà Thái Thị Thu T bồi thường thiệt hại cho bà Đào Thị T2 số tiền là 670.193.506 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Thanh D và bà Thái Thị Thu T về việc yêu cầu bà Đào Thị T2 trả tiền công sức giữ gìn tài sản; trả tiền sửa chữa căn nhà số tiền 988.280.000 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của bà Đào Thị T2 về việc yêu cầu ông Lâm Thanh D và bà Thái Thị Thu T bồi thường thiệt hại số tiền 150.667.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, về án phí, về quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 07 tháng 6 năm 2021, nguyên đơn ông Lâm Thanh D và bà Thái Thị Thu T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông bà, đồng thời không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Đào Thị T2. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định nội dung đơn kháng cáo là yêu cầu bà T2 trả chi phí sửa chữa nhà và tài sản gắn liền với căn nhà là 300.720.000 đồng và yêu cầu bác toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn. Nay xin rút một phần yêu cầu kháng cáo, chỉ còn kháng cáo yêu cầu bà T2 trả chi phí sửa chữa nhà gồm: sửa xây lắp lan can cầu thang mặt tiền bằng inox, tay nắm cầu thang bằng gỗ số tiền 80.468.591 đồng; sửa xây lắp thép sê nô đường kính cốt thép số tiền 4.048.785 đồng; sửa xây lắp mái hiên sân thượng bằng thép hộp khung tiền chế, lợp mái tole dày 45mm số tiền 28.027.371 đồng (tổng cộng là 112.544.747 đồng) và yêu cầu không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn bà Đào Thị T2.

Ngày 09 tháng 6 năm 2021, bị đơn bà Đào Thị T2 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chi phí sửa nhà số tiền 67.548.161 đồng, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn số tiền 151.416.333 đồng, xem xét cho bị đơn không chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 7.570.817 đồng và hoàn trả tiền tạm ứng án phí 6.500.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Đào Thị T2 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lâm Thanh D và bà Thái Thị Thu T trình bày: Về chi phí sửa chữa căn nhà là do bà T, ông D bỏ ra và có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Phía bà T2 thừa nhận căn nhà số 50 có sửa chữa, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn là không có cơ sở vì bà T, ông D không có lỗi, mà bà T2 mới là người có lỗi, việc giao nhà là nhiệm vụ của Cơ quan thi hành án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn và bác toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của đồng nguyên đơn ông Lâm Thanh D và bà Thái Thị Thu T, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đào

Thị T2. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 26/2021/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Lâm Thanh D, bà Thái Thị Thu T và bị đơn bà Đào Thị T2 nộp trong hạn luật định, nên được chấp nhận xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Lâm Thanh D, bà Thái Thị Thu T và bị đơn bà Đào Thị T2:

[2.1] Theo Quyết định giám đốc thẩm số 125/2017/KDTM-GĐT ngày 20/7/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 39/2016/DS-PT ngày 14/4/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2015/DS-ST ngày 29/12/2015 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Theo đó Quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm buộc bà Thái Thị Thu T và ông Lâm Thanh D có trách nhiệm giao trả cho bà Đào Thị T2 căn nhà và đất tại số 50 (số cũ 18B), đường Hòa Bình, Khóm 1, Phường 3, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Do bà Thái Thị Thu T và ông Lâm Thanh D mượn nhà của bà T2 ở từ năm 2001.

[2.2] Sau khi có Quyết định giám đốc thẩm, bà T, ông D khởi kiện yêu cầu bà T2 trả lại chi phí sửa chữa nhà do ông D bà T sửa chữa nhà trong quá trình sử dụng. Cả nguyên đơn bà T, ông D và bị đơn bà T2 đều xác định căn nhà số 50 nêu trên được sửa chữa ba lần vào năm 2003, 2005 và 2008. Tuy nhiên, giữa nguyên đơn và bị đơn đều xác định mình là người bỏ tiền ra sửa chữa căn nhà. Theo lời trình bày của bên sửa chữa nhà là Công ty Cổ phần Tư vấn kiến trúc xây dựng K xác định Công ty có hợp đồng sửa chữa nhà ở cho ông D, bà T tại số 50, đường Hòa Bình, Phường 3, thành Phố B, tỉnh Bạc Liêu vào các năm 2003, 2005 và 2008, nhưng do việc sửa chữa đã lâu, Công ty không còn lưu trữ hồ sơ liên quan đến nội dung sửa chữa. Xét thấy, căn nhà thực tế do vợ chồng ông D, bà T là người quản lý, sử dụng từ năm 2001 đến khi phát sinh tranh chấp nên có cơ sở xác định ông D, bà T dùng tiền của mình để sửa chữa nhà như Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ. Chi phí sửa chữa căn cứ vào Chứng thư thẩm định số 8.2020.VT.HS ngày 10/01/2020 có giá trị thành tiền cụ thể như sau:

- Nâng toàn bộ phần nền nhà có đan vỉ sắt, đổ bê tông cốt thép: Đất san lấp mặt bằng là 7.454.513 đồng, bê tông nền đá 1x 2 mác 200 là 23.746.507 đồng, thép nền đường kính cốt thép $\leq 10\text{mm}$ là 6.291.727 đồng, giá trị còn lại của công trình tại thời điểm định giá là 52%, thành tiền là 19.496.228 đồng.

- Lát gạch nền granic (nhà ngang 04m dài 18m), (các đương sự xác định nhà lọt lòng diện tích $67.64m^2$), thành tiền: $381.735 \text{ đồng}/m^2 \times 67.64m^2 \times 52\% = 13.426.668 \text{ đồng}$.

- Sơn lại toàn bộ tường nhà: Bị đơn giao nguyên đơn sơn tường nhà, nguyên đơn xác định sơn tường nhà trong ngoài 01 nước lót và 02 nước phủ, cho thành tiền là $24.403.360 \text{ đồng} \times 52\% = 12.689.747 \text{ đồng}$.

- Phần ốp gạch tường tầng trệt, ốp gạch loại $25 \times 40cm$, cao 1,25m, diện tích là $81m^2$, thành tiền là $27.201.258 \text{ đồng} \times 52\% = 14.144.654 \text{ đồng}$.

- Thay mới 05 cửa đi trong nhà bằng chất liệu nhôm: Diện tích ($2,05m \times 0,93m$) = $1,9065m^2 \times 05 \text{ cái} = 9,533m^2 \times 1.571.721 \text{ đồng}/m^2 = 14.982.430 \text{ đồng} \times 52\% = 7.790.864 \text{ đồng}$.

Tổng chi phí sửa chữa nhà được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận với số tiền 67.548.161 đồng là có căn cứ. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đào Thị T2 yêu cầu không chấp nhận tiền chi phí sửa chữa nhà số tiền 67.548.161 đồng.

[2.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét ngoài số tiền sửa chữa nhà đã được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận, nguyên đơn yêu cầu chấp nhận thêm phần sửa xây lắp lan can cầu thang mặt tiền bằng inox, tay nắm cầu thang bằng gỗ số tiền 80.468.591 đồng; sửa xây lắp thép sê nô đường kính cốt thép số tiền 4.048.785 đồng; sửa xây lắp mái hiên sân thượng bằng thép hộp khung tiền chế, lợp mái tole dày 45mm số tiền 28.027.371 đồng. Tổng cộng là 112.544.747 đồng. Xét thấy, nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ chấp nhận đối với kháng cáo này.

[2.4] Đối với các chi phí sửa chữa, lắp đặt tài sản khác gắn liền với căn nhà, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu kháng cáo, các tài sản này có giá trị thành tiền là 120.627.092 đồng. Xét thấy, việc rút yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là tự nguyện, đúng quy định của pháp luật được chấp nhận, nên có căn cứ đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu này.

[2.5] Ngày 03/10/2017, bà T2 có đơn yêu cầu thi hành án buộc bà T, ông D giao trả nhà cho bà T2. Ngày 06/10/2017, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B ra quyết định thi hành án, ông D và bà T nhận quyết định thi hành án vào ngày 09/10/2017. Ngày 14/4/2021 Cơ quan thi hành án cưỡng chế thi hành án giao nhà cho bà T2. Bà T2 xác định do ông D bà T không giao trả nhà cho bà từ ngày 20/7/2017 đến ngày 14/4/2021, nên thiệt hại cho bà mỗi tháng là 20.000.000 đồng, tổng cộng là 889.333.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của bà T2 buộc ông D, bà T bồi thường thiệt hại cho bà T2 số tiền 737.916.667 đồng và không chấp nhận số tiền 151.416.333 đồng, nên bà T2 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận bồi thường thiệt hại số tiền 151.416.333 đồng. Phía ông D, bà T kháng cáo yêu cầu không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà T2.

Xét thấy: Giữa bà Đào Thị T2 (Bên A) với Công ty Cổ phần Univet Việt Nam (Bên B) có ký kết Biên bản thỏa thuận ngày 01/12/2017 với nội dung: *Bên A đồng ý cho bên B thuê toàn bộ căn nhà tọa lạc tại số 18B đường H, Phường 3, thành phố B. Thời gian bàn giao nhà của bên A: Khi Thi hành án thành phố B, tỉnh Bạc Liêu giao nhà cho bên A. Đồng thời tại Văn bản bổ sung thông tin ngày 08/3/2021 của Công ty Cổ phần Univet Việt Nam xác định: Căn nhà số 18B đường H, Phường 3, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu mà bà Đào Thị T2 dự kiến cho Công ty chúng tôi thuê tại thời điểm 01/12/2017 còn đang tranh chấp và chờ Thi hành án thành phố B trao trả, nên Công ty chúng tôi chưa lập bản hợp đồng chính thức về việc thuê căn nhà đó, mà chỉ ký bản thỏa thuận để được quyền ưu tiên thuê sau khi bà Đào Thị T2 có đủ pháp lý về căn nhà nêu trên. Giữa hai bên đến nay không có một thỏa thuận hay ký kết về việc thuê căn nhà đó nữa. Do đó, có căn cứ xác định giữa bà Đào Thị T2 và Công ty Cổ phần Univet Việt Nam chưa ký kết hợp đồng thuê nhà, nên chưa phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Mặt khác, tại khoản 1 Điều 45 Luật Thi hành án dân sự quy định: Thời hạn tự nguyện thi hành án là 10 ngày, kể từ ngày người phải thi hành án nhận quyết định thi hành án hoặc thông báo hợp lệ quyết định thi hành án. Tại khoản 1 Điều 46 Luật Thi hành án dân sự quy định: Hết thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 45 của Luật này, người phải thi hành án có điều kiện thi hành án mà không tự nguyện thi hành án thì bị cưỡng chế. Như vậy, có căn cứ xác định nhiệm vụ cưỡng chế thi hành án là của cơ quan thi hành án, không phải của người dân, cho nên việc Cơ quan thi hành án chậm cưỡng chế thi hành án không phải do lỗi của ông D bà T. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà T2 về việc yêu cầu ông D bà T bồi thường thiệt hại trong tương lai là không có căn cứ. Do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T2 về việc yêu cầu ông D bà T bồi thường thiệt hại số tiền 151.416.333 đồng. Có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông D, bà T về việc yêu cầu không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà T2 yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 889.333.000 đồng.*

[2.6] Đối với yêu cầu của bà T2 yêu cầu xem xét miễn án phí, xét thấy bà Đào Thị T2 sinh năm 1946 là người cao tuổi, nhưng tại Tòa án cấp sơ thẩm bà T2 không có đơn yêu cầu xin miễn án phí, nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Đào Thị T2 chịu án phí là có căn cứ. Tuy nhiên tại Tòa án cấp phúc thẩm, bà Đào Thị T2 có đơn đề ngày 05/6/2021 yêu cầu được miễn án phí, nên được chấp nhận miễn án phí cho bà Đào Thị T2 theo quy định pháp luật.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, theo quy định tại Điều 157, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đương sự phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nếu yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận. Do có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn và bị đơn đều phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Cụ thể, chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản là 1.550.000 đồng; ông Lâm Thanh D và bà Thái Thị Thu T phải chịu 775.000 đồng; bà Đào Thị T2 phải chịu là 775.000 đồng. Ông D, bà T đã nộp số tiền

950.000 đồng; bà T2 đã nộp 600.000 đồng, đã chi xong. Bà T2 phải hoàn trả cho bà T và ông D số tiền 175.000 đồng.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lâm Thanh D và bà Thái Thị Thu T có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận với số tiền là 11.658.592 đồng. Ông D, bà T đã nộp tạm ứng án phí 25.335.000 đồng theo Biên lai thu số 0007734 ngày 13/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí 11.658.592 đồng, hoàn lại cho ông D bà T số tiền 13.676.408 đồng.

Bà Đào Thị T2 được miễn án phí theo quy định pháp luật. Bà T2 đã nộp tạm ứng án phí số tiền 6.500.000 đồng theo Biên lai thu số 0007989 ngày 23/02/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại đủ.

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lâm Thanh D và bà Thái Thị Thu T không phải chịu án phí phúc thẩm. Ông D và bà T mỗi người đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0006888 và 0006889 cùng ngày 15/6/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại.

Bà Đào Thị T2 không phải chịu án phí phúc thẩm.

[5] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lâm Thanh D, bà Thái Thị Thu T về việc yêu cầu không chấp yêu cầu phản tố của bà Đào Thị T2; có căn cứ chấp nhận một phần kháng của bà Đào Thị T2 về việc yêu cầu xem xét miễn án phí; không có căn cứ chấp nhận các yêu cầu kháng cáo khác của ông D, bà T và bà T2; không có căn cứ chấp nhận ý kiến phát biểu Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 26/2021/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 157, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, 589 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 44, 45, 46 Luật thi hành án dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 26, khoản 4 điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lâm Thanh D, bà Thái Thị Thu T về việc yêu cầu không chấp yêu cầu phản tố của bà Đào Thị T2; chấp nhận một phần kháng cáo của bà Đào Thị T2 về việc yêu cầu xem xét miễn án phí; không chấp nhận các yêu cầu kháng cáo khác của ông Lâm Thanh D, bà Thái Thị Thu T và bà Đào Thị T2

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Thanh D và bà Thái Thị Thu T về việc yêu cầu bà Đào Thị T2 trả chi phí sửa chữa nhà với số tiền là 67.548.161 đồng (sáu mươi bảy triệu, năm trăm bốn mươi tám nghìn, một trăm sáu mươi một đồng).

Buộc bà Đào Thị T2 phải có nghĩa vụ hoàn trả chi phí sửa chữa nhà cho ông Lâm Thanh D và bà Thái Thị Thu T số tiền là 67.548.161 đồng (sáu mươi bảy triệu, năm trăm bốn mươi tám nghìn, một trăm sáu mươi một đồng).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Thanh D và bà Thái Thị Thu T về việc yêu cầu bà Đào Thị T2 trả chi phí sửa chữa nhà với số tiền 112.544.747 đồng (một trăm mười hai triệu, năm trăm bốn mươi bốn nghìn, bảy trăm bốn mươi bảy đồng).

3. Đình chỉ một phần yêu cầu kháng cáo của ông Lâm Thanh D và bà Thái Thị Thu T về việc yêu cầu bà Đào Thị T2 trả chi phí sửa chữa, lắp đặt tài sản gắn liền với căn nhà với số tiền 120.627.092 đồng (một trăm hai mươi triệu, sáu trăm hai mươi bảy nghìn, không trăm chín mươi hai đồng).

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Thanh D và bà Thái Thị Thu T về việc yêu cầu bà Đào Thị T2 trả tiền công sức giữ gìn tài sản, trả tiền sửa chữa căn nhà số tiền 988.280.000 đồng (chín trăm tám mươi tám triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng).

5. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Đào Thị T2 về việc yêu cầu ông Lâm Thanh D và bà Thái Thị Thu T bồi thường thiệt hại với số tiền là 889.333.000 đồng (tám trăm tám mươi chín triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn đồng).

6. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

7. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản là 1.550.000 đồng. Ông Lâm Thanh Dũng, bà Thái Thị Thu Trang phải chịu là 775.000 đồng. Bà Đào Thị Thọ phải chịu là 775.000 đồng. Ông Dũng, bà Trang đã nộp số tiền 950.000 đồng, bà Thọ đã nộp 600.000 đồng, đã chi xong. Nên buộc bà Thọ phải hoàn trả cho bà Trang và ông Dũng số tiền 175.000 đồng (một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

8. Về án phí:

8.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lâm Thanh D và bà Thái Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 11.658.592 đồng. Ông D, bà T đã nộp tạm ứng án phí 25.335.000 đồng theo Biên lai thu số 0007734 ngày 13/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí 11.658.592 đồng, hoàn lại cho ông D bà T số tiền 13.676.408 đồng.

Bà Đào Thị T2 được miễn án phí theo quy định pháp luật. Bà T2 đã nộp tạm ứng án phí số tiền 6.500.000 đồng theo Biên lai thu số 0007989 ngày 23/02/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại.

8.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lâm Thanh D và bà Thái Thị Thu T không phải chịu án phí phúc thẩm. Ông D và bà T mỗi người đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0006888 và 0006889 cùng ngày 15/6/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại.

Bà Đào Thị T2 không phải chịu án phí phúc thẩm.

9. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND thành phố B;
- CCTHADS thành phố B;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thanh Dũng